

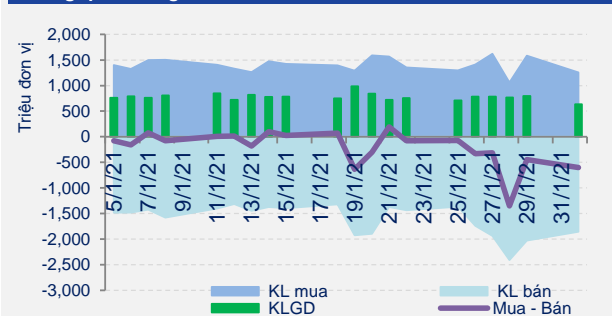
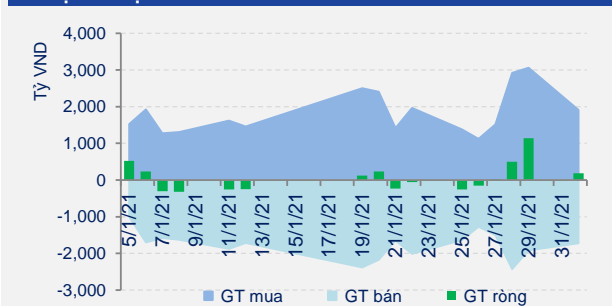
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/2/2021

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,035.51 | 208.85 |
| % Thay đổi | ↓ -2.00% | ↓ -2.50% |
| KLGD (CP) | 634,333,751 | 115,846,924 |
| GTGD (tỷ đồng) | 13,651.49 | 1,688.60 |
| Tổng cung (CP) | 1,854,796,000 | 158,041,600 |
| Tổng cầu (CP) | 1,255,821,600 | 121,305,300 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 55,369,400 | 809,050 |
| KL mua (CP) | 61,924,300 | 869,200 |
| GTmua (tỷ đồng) | 1,908.68 | 15.24 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,724.16 | 8.15 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 184.53 | 7.10 |

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.04% | 13.9 | 2.3 | 1.3% |
| Công nghiệp | ↓ -2.06% | 15.4 | 2.5 | 10.6% |
| Dầu khí | ↓ -2.14% | - | 1.8 | 2.3% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -2.95% | - | 4.5 | 4.3% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.97% | 13.9 | 2.4 | 0.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.62% | 16.7 | 4.4 | 10.1% |
| Ngân hàng | ↓ -0.95% | 9.9 | 2.1 | 21.8% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -3.82% | 17.7 | 2.1 | 15.3% |
| Tài chính | ↓ -3.14% | 16.9 | 3.1 | 31.8% |
| Tiền ích Cộng đồng | ↓ -1.89% | 14.5 | 2.2 | 2.2% |
| VN - Index | ↓ -2.00% | 16.3 | 2.8 | |
| HNX - Index | ↓ -2.50% | 14.1 | 3.4 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm mạnh trong phiên đầu tuần và hiện kết phiên ngay dưới ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3). Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 21,1 điểm (-2%) xuống 1.035,51 điểm; HNX-Index giảm 5,36 điểm (-2,5%) xuống 208,85 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên tăng trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 15.340 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 750 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.815 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 172 mã tăng, 69 mã tham chiếu, 639 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong phiên giao dịch sáng nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng và mạnh lên về cuối phiên khiến chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức thấp nhất. Hàng loạt Bluechips như BVH (-5,3%), GAS (-1,4%), HPG (-2%), MSN (-4,1%), VIC (-0,4%), HVN (-2,9%), PNJ (-5,2%), VRE (-6,4%), VHM (-5,6%), MWG (-6,8%)... đồng loạt giảm sâu đã tác động tiêu cực tới thị trường. Nhóm ngân hàng cũng giao dịch không thực sự tích cực với nhiều mã giảm điểm như ACB (-0,6%), BID (-2%), MBB (-6,2%), SHB (-7,5%), VCB (-2%), LPB (-5,1%)... khiến thị trường thiếu đi lực đỡ.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index giảm mạnh trong phiên đầu tuần với thanh khoản thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý nghỉ Tết sớm đang dần xuất hiện trên thị trường. Áp lực bán trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh, giá giảm chủ yếu do cầu không vào mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, hiện tại đang là sóng tăng 5 cuối của chu kỳ tăng giá sau khi xác lập đáy sóng 4 quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm trong phiên 29/1 nên xác suất thị trường sẽ hồi phục trong phiên tiếp theo được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, xác suất thấp hơn là thị trường sẽ test lại ngưỡng 1.000 điểm là có thể xảy ra. Thanh khoản thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì dưới mức trung bình 20 phiên và có xu hướng giảm dần khi kỳ nghỉ Tết đang gần kề giúp hệ thống giao dịch trên HOSE trở nên trơn tru nên tương quan cung cầu trong giai đoạn này là có thể xác định được. Những nhà đầu tư đã bắt đáy một phần tỷ trọng danh mục quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) trong phiên 29/1 nên quan sát thị trường trong phiên tới và có thể chốt lời ngắn hạn nếu thị trường tăng điểm tới ngưỡng kháng cự quanh 1.085 điểm (MA50). Trong trường hợp thị trường tiếp tục giảm để retest ngưỡng 1.000 điểm, nhà đầu tư có thể tiếp tục gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/2/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.074,52 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ và kết phiên tại mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 21,1 điểm (-2%) xuống 1.035,51 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 5.200 đồng, VCB giảm 1.900 đồng, GVR giảm 1.700 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB tăng 11.300 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 218,476 điểm. Nhưng từ khoảng 11h, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 208,433 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 5,36 điểm (-2,5%) xuống 208,85 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 1.100 đồng, SHS giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, THD tăng 1.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 178,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 179 nghìn cổ phiếu. VNM mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 87,5 tỷ đồng tương ứng với 84 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 87,4 tỷ đồng tương ứng với 225 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BVH là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 49 tỷ đồng tương ứng với 88 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 7,21 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 60 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,7 tỷ đồng tương ứng với 418 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 2,2 tỷ đồng tương ứng với 99,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HUT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 946 triệu đồng tương ứng với 207 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PMI tháng 1 đạt 51.3 điểm, lĩnh vực sản xuất chậm vật lấy lại đà tăng trưởng

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 51.3 điểm vào tháng 1, giảm so với mức 51.7 của tháng 12, cho thấy các điều kiện kinh doanh cải thiện chậm hơn vào đầu năm 2021.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần và hiện kết phiên ngay dưới ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3), thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán là không thực sự mạnh, giá giảm chủ yếu do lực cầu không rõ nét.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật hiện tại vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với việc sóng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng 1) và hiện tại đang là sóng điều chỉnh 4 với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 đã sâu hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng 5 tăng sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm.

Với tâm lý nghỉ Tết sớm như hiện tại thì thị trường có thể diễn ra với mức thanh khoản thấp hơn trung bình 20 phiên. Nhưng về xu hướng thì vẫn thuộc sóng 5 nên khả năng hồi phục trong phiên tới được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, kịch bản tiêu cực vẫn có thể xảy ra với xác suất thấp và ngưỡng hỗ trợ quanh 1.000 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ cần chú ý lần lượt quanh 1.000 điểm (ngưỡng tâm lý) và 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng 3), Kháng cự gần nhất quanh 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) và xa hơn quanh 1.085 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết cho khu vực Hà Nội ở mức: 56,6 - 57 triệu đồng/lượng, tăng 300.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 9 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 1/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.151 VND/USD, giảm 9 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 16,8 USD/ounce tương ứng với 0,91% lên 1.866,9 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

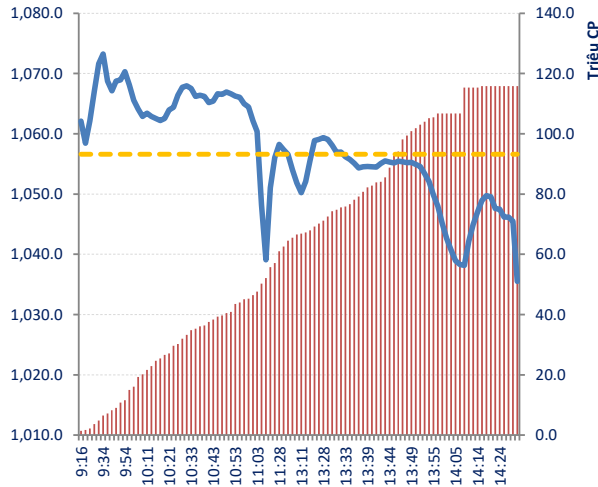
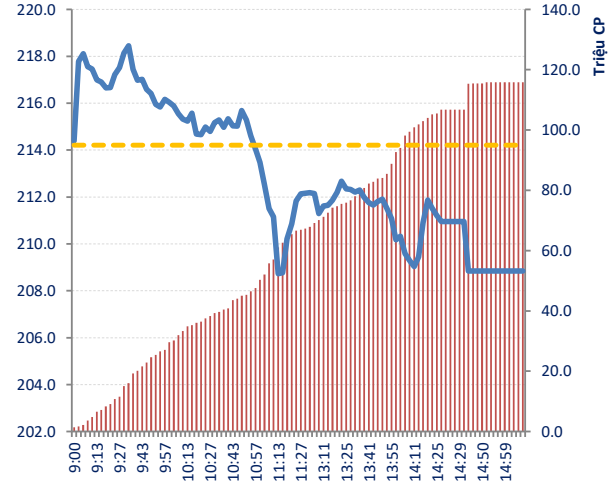
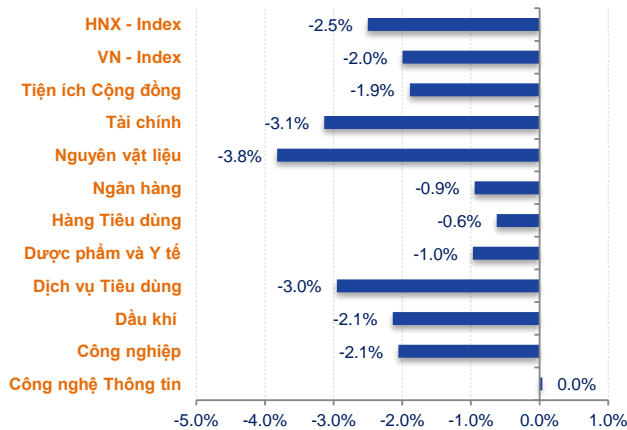
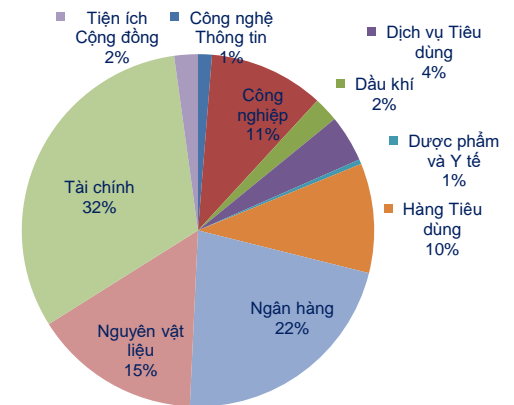
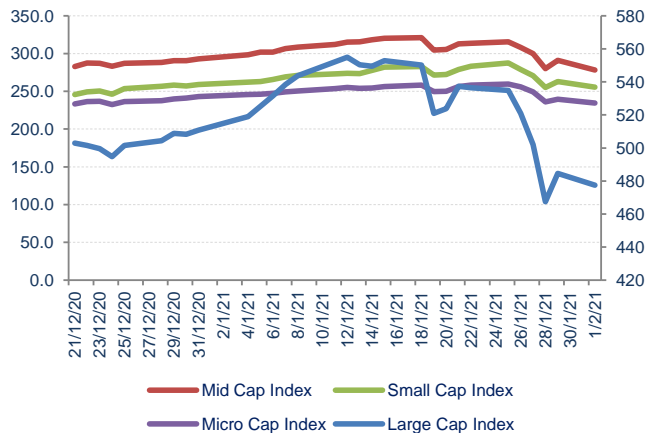
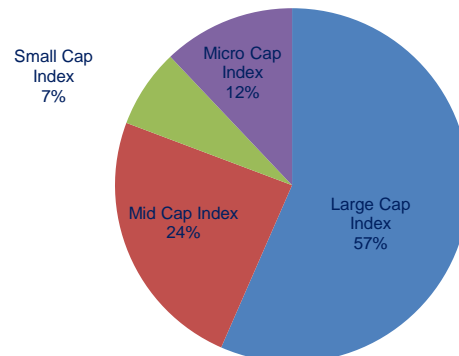
Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,168 điểm tương ứng 0,19% lên 90,703 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2100 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3742 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 104,81 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,39 USD/thùng tương ứng với 0,75% lên 52,56 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm mạnh

Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/1, chỉ số Dow Jones giảm 620,74 điểm tương ứng 2,03% xuống 29.982,62 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 266,46 điểm tương ứng 2% xuống 13.070,7 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 73,14 điểm tương ứng 1,93% xuống 3.714,24 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | FUEVFVND | 3,403,400 | HSG | 1,689,900 |
| 2 | VRE | 2,570,200 | DCM | 1,408,600 |
| 3 | POW | 2,266,000 | BVH | 879,400 |
| 4 | HPG | 2,246,500 | STB | 838,900 |
| 5 | DLG | 1,297,100 | CTG | 788,800 |

HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVS | 418,400 | HUT | 206,750 |
| 2 | SHS | 99,500 | VIG | 117,200 |
| 3 | CEO | 78,000 | SD9 | 102,500 |
| 4 | HHG | 20,100 | BVS | 54,100 |
| 5 | APS | 18,200 | AMV | 51,300 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| FLC | 6.19 | 5.76 | ↓ -6.95% | 29,993,600 |
| HPG | 39.15 | 38.35 | ↓ -2.04% | 23,472,708 |
| STB | 16.90 | 16.10 | ↓ -4.73% | 23,237,000 |
| HQC | 2.25 | 2.10 | ↓ -6.67% | 17,087,900 |
| MBB | 23.45 | 22.00 | ↓ -6.18% | 16,254,500 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 14.60 | 13.50 | ↓ -7.53% | 19,798,552 |
| IDC | 35.20 | 34.60 | ↓ -1.70% | 12,749,324 |
| HUT | 4.60 | 4.30 | ↓ -6.52% | 12,432,340 |
| SHS | 22.40 | 21.10 | ↓ -5.80% | 9,061,342 |
| PVS | 16.60 | 15.60 | ↓ -6.02% | 5,651,975 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|---------|
| SAB | 161.70 | 173.00 | 11.30 | ↑ 6.99% |
| TDW | 28.00 | 29.95 | 1.95 | ↑ 6.96% |
| RIC | 13.00 | 13.90 | 0.90 | ↑ 6.92% |
| HVX | 3.49 | 3.73 | 0.24 | ↑ 6.88% |
| NAV | 22.05 | 23.55 | 1.50 | ↑ 6.80% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| NBP | 12.00 | 13.20 | 1.20 | ↑ 10.00% |
| S55 | 29.00 | 31.90 | 2.90 | ↑ 10.00% |
| PSE | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| SCI | 43.00 | 47.30 | 4.30 | ↑ 10.00% |
| L40 | 22.00 | 24.20 | 2.20 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| TDC | 15.00 | 13.95 | -1.05 | ↓ -7.00% |
| PPC | 26.45 | 24.60 | -1.85 | ↓ -6.99% |
| LSS | 10.00 | 9.30 | -0.70 | ↓ -7.00% |
| ICT | 24.30 | 22.60 | -1.70 | ↓ -7.00% |
| CCL | 10.30 | 9.58 | -0.72 | ↓ -6.99% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| HHG | 2.00 | 1.80 | -0.20 | ↓ -10.00% |
| GMA | 46.00 | 41.40 | -4.60 | ↓ -10.00% |
| D11 | 27.00 | 24.30 | -2.70 | ↓ -10.00% |
| INC | 13.00 | 11.70 | -1.30 | ↓ -10.00% |
| DTD | 27.00 | 24.30 | -2.70 | ↓ -10.00% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|---------|------|-----|
| FLC | 29,993,600 | -10.1% | (1,515) | - | 0.4 |
| HPG | 23,472,708 | 3250.0% | 4,056 | 9.5 | 2.1 |
| STB | 23,237,000 | 9.6% | 1,487 | 10.8 | 1.0 |
| HQC | 17,087,900 | 0.4% | 39 | 53.6 | 0.2 |
| MBB | 16,254,500 | 18.4% | 2,989 | 7.4 | 1.2 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 19,798,552 | 12.9% | 1,702 | 7.9 | 1.0 |
| IDC | 12,749,324 | 7.1% | 1,010 | 34.3 | 2.4 |
| HUT | 12,432,340 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| SHS | 9,061,342 | 25.5% | 3,639 | 5.8 | 1.4 |
| PVS | 5,651,975 | 5.1% | 1,373 | 11.4 | 0.6 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|---------|------|-----|
| SAB | ↑ 7.0% | 22.9% | 7,366 | 23.5 | 5.2 |
| TDW | ↑ 7.0% | 22.5% | 4,176 | 7.2 | 1.5 |
| RIC | ↑ 6.9% | -9.7% | (1,159) | - | 1.2 |
| HVX | ↑ 6.9% | 0.9% | 98 | 37.9 | 0.4 |
| NAV | ↑ 6.8% | 22.8% | 3,089 | 7.6 | 1.7 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| NBP | ↑ 10.0% | 10.1% | 2,016 | 6.5 | 0.6 |
| S55 | ↑ 10.0% | 3.2% | 1,727 | 18.5 | 0.6 |
| PSE | ↑ 10.0% | 5.8% | 732 | 12.0 | 0.7 |
| SCI | ↑ 10.0% | 63.9% | 14,346 | 3.3 | 3.1 |
| L40 | ↑ 10.0% | 13.2% | 2,426 | 10.0 | 1.3 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-------|-----------|--------|---------|------|-----|
| UEVFN | 3,403,400 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| VRE | 2,570,200 | 8.5% | 1,048 | 28.6 | 2.3 |
| POW | 2,266,000 | 7.2% | 937 | 12.3 | 0.9 |
| HPG | 2,246,500 | 25.1% | 4,056 | 9.5 | 2.1 |
| DLG | 1,297,100 | -15.9% | (1,724) | - | 0.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| PVS | 418,400 | 5.1% | 1,373 | 11.4 | 0.6 |
| SHS | 99,500 | 25.5% | 3,639 | 5.8 | 1.4 |
| CEO | 78,000 | 2.0% | 280 | 31.8 | 0.6 |
| HHG | 20,100 | -20.6% | (1,900) | - | 0.2 |
| APS | 18,200 | 15.3% | 1,457 | 4.0 | 0.6 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 337,879 | 20.5% | 4,974 | 18.3 | 3.4 |
| VIC | 334,861 | 4.0% | 1,488 | 66.5 | 2.5 |
| VHM | 290,464 | 36.1% | 8,463 | 10.4 | 3.2 |
| VNM | 214,638 | 35.0% | 5,313 | 19.3 | 6.4 |
| BID | 157,261 | 9.1% | 1,775 | 22.0 | 2.0 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 56,350 | 61.7% | 14,261 | 11.3 | 10.6 |
| SHB | 23,697 | 12.9% | 1,702 | 7.9 | 1.0 |
| VCS | 11,680 | 39.0% | 8,569 | 8.5 | 3.2 |
| IDC | 10,380 | 7.1% | 1,010 | 34.3 | 2.4 |
| DTK | 8,296 | 6.9% | 746 | 16.4 | 1.1 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| FIT | 2.68 | 2.3% | 361 | 36.7 | 0.8 |
| EVG | 2.64 | 3.0% | 348 | 21.8 | 0.6 |
| DTA | 2.45 | -2.0% | (208) | - | 0.6 |
| AGR | 2.44 | 4.8% | 458 | 20.0 | 0.9 |
| TTF | 2.37 | 0.0% | (824) | - | - |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| LUT | 3.05 | 0.0% | 5 | 955.0 | 0.4 |
| VIG | 2.67 | -2.0% | (113) | - | 0.7 |
| WSS | 2.65 | 2.0% | 206 | 19.9 | 0.4 |
| ART | 2.62 | 0.1% | 16 | 265.6 | 0.4 |
| BVS | 2.51 | 7.2% | 1,839 | 8.0 | 0.6 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn